**MÔN: TIẾNG ANH 10 UNIT 12\_ MUSIC**

**TIẾT PPCT: 76 E. LESSON 5\_ LANGUAGE FOCUS**

***I. Objectives***:

- By the end of this lesson students will be able to use ***To-infinitive to talk about purposes*** and ***Wh - questions***

***II*. *Procedures*:**

**A. *To-infinitive to talk about purposes***

Để diễn đạt một mục đích nào đó ở thể khẳng định ta có:

* Công thức:

S + V + to/ in order to/ so as to + V (bare-inf) ( động từ nguyên mẫu không chia nhé các em)

*Ví dụ:*

I tried studying*to pass*  my next exam

S V to V
*Tôi đã cố gắng học để vượt qua kì thì sắp tới*

* Để diễn đạt mục đích nào đó ở thể phủ định, ta thêm NOT trước TO

 S + V + not to/ in order not to/ so as not to + V (bare-inf)

*Ví dụ:*

She got up early so as not to miss the bus

S V so as not to V
*Cô ấy thức dây sớm để không bị trễ xe buýt*

Những động từ theo sau là "to V"

Afford, ask, bear, begin, choose, decide, expect, forget, hat, intend, like, manage, neglect, prefer, pretend, propose, regret, seem, swear, try, wish, agree, arrange, attempt, beg, care, consent, fail, happen, help, hope, learn, love, mean, offer, prepare, promise, refuse, remember, start, trouble

**B. Wh- Questions**

* Một số câu hỏi thường được bắt đầu với từ để hỏi (question word).
* Các từ để hỏi thường là:

+ ***Who*** (Ai),

+ ***What*** (Cái gì),

+ ***Which*** (Cái nào),

+ ***Whose*** (Của ai)

+ ***Where*** (Ở đâu),

+ ***When*** (Khi nào),

+ ***Why*** (Tại sao)

+ ***How*** (Thế nào).

* **-** Cấu trúc thông thường của loại câu hỏi Wh- questions:

***Cấu trúc 1***

**Từ để hỏi + trợ động từ chia theo thì + chủ ngữ + động từ chính + phần còn lại?**

**Ex**: When did you come?

  ***Cấu trúc 2***

**Từ để hỏi + động từ tobe chia theo ngữ cảnh+ chủ ngữ + phần còn lại?**

**Ex:** How are you today?

 ***Cấu trúc 3***

**Từ để hỏi + động từ chính + phần còn lại?**

**Ex:** Who volunteers?

**C. Exercise**

**1. Viết lại các câu sau để thành một cấu chỉ mục đích với to infinitive**

*Ví dụ:*  He has been running because he wants to lose weight

-> He has been running to lose weight

|  |
| --- |
| 1) I went to Japan because I wanted to learn Japanese. |
| 2) She made a cake because she wanted to please her friend. |  |
| 3) They study a lot because they want to get good marks. |
| 4) Amanda is going to the party because she wants to meet new people. |  |

5) The children went to the park because they wanted to play football.

**2. Đặt câu hỏi cho từ gạch chân**

1. She went to the doctor **because she was sick**.

2. Nam left home **at 7 o’clock yesterday**.

3. **My mother** taught English in the high school.

4. She often **does the housework** after doing exercises

5. My father was **in Ha Noi** last month.